

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 4 -2021
V/v: “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh
2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long THnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nH dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 841/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp An B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Đào Đình T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2015 đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Đường, do cả hai cùng tự nguyện. Chung sống không hạnh phúc do anh T không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ. Từ tháng 4/2018, chị về cha mẹ ruột sống và ly tH anh T đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đào Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 09/11/2015. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Hiện nay chị buôn bán kinh doanh quần áo, thu nhập hàng tháng 20.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

-Tại bản tự khai ngày 23 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đào Đình T trình bày: Thời gian chung sống và đăng ký kết hôn theo như chị H khai là đúng.

Sau khi kết hôn, chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung như chị H khai là đúng, hiện nay cháu đang sống với chị H. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Hiện nay tôi kinh doanh quần áo, buôn bán đất, thu nhập hàng tháng 40.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố T dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Đào Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 09/11/2015. cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố T : Anh Đào Đình T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố T dân sự, xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L (số 55 ngày 18/7/2016) nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị H xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H, xử cho chị H được ly hôn anh Đào Đình T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Đào Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 09/11/2015. Chị H yêu cầu được nuôi cháu H, anh T không đồng ý cũng có yêu cầu được nuôi cháu H.

Xét thấy, chị H và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con. Chị H và anh T đều khai có mức thu nhập cao, tuy nhiên thời gian qua cháu H được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và được Hội phụ nữ xã B xác nhận. Vì vậy, để ổn định cuộc sống của trẻ, thấy cần giao cháu H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị H nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 217, 218, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H, xử cho chị H được ly hôn anh Đào Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 09/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Đào Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai số 0004857 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Đình T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Liên